

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH SỞ

QUYỂN 30

PHẨM 24: CA-DIỆP (PHẦN 3)

Đầu quyển là đoạn bốn, nói về hành pháp. Văn có năm đoạn: 1/ Nói về tu hành; 2/ Nói về chung riêng; 3/ Nói về danh thể; 4/ Nói về nhân số; 5/ Kết luận được trụ. Văn thứ nhất lại có bốn: 1/ Quán bất tịnh 2/ Quán niệm xứ; 3/ Quán nhân duyên; 4/ Quán noãn pháp. Nhưng người được trụ chỉ có hai phương tiện, đâu cần dùng bốn? Quán bất tịnh và quán nhân duyên là Tiền phương tiện của Niệm và Noãn. Chia ra thì thành bốn, hợp lại thì chỉ có hai là Niệm và Noãn. Văn thứ nhất lại có hai: Trước nói về duyên khởi.

Nếu trí chẳng có đủ năm việc thì tức là tín, giới, thí, văn và tuệ đã nói ở trước. Kế là nói về bốn pháp.

Ở đây lấy bất tịnh làm tên, nếu theo luận Tạp Tâm thì thuộc môn Tam độ. Ở đoạn trên dư câu “Nặng về chấp ngã thì nên dạy mười tám giới”, nếu y cứ theo luận Địa trì thì thuộc môn Ngũ độ, có thêm quán nhân duyên.

Kế là, từ câu: “Như pháp v.v...” trở xuống là nói về quán niệm xứ.

Quán thì có chung và riêng, chung thì sâu, riêng thì cạn.

Từ câu: “Đạt được pháp quán v.v...” trở xuống là thứ ba, nói về quán nhân duyên.

Từ câu: “Quán rồi v.v...” trở xuống là thứ tự quán Noãn pháp.

Nói chung thì Tiền phương tiện cũng được trụ, nếu nói riêng, thì chính là y cứ theo Noãn pháp, khi thành tựu giải Không thì chắc chắn chẳng lui sụt, đó gọi là người được trụ.

Từ câu: “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là nói về chung riêng, phân biệt pháp Noãn. Trước hỏi sau đáp, hỏi lại có hai: Một, là hỏi về người, nêu chung noãn xúc để hỏi. Dẫn lời Phật nói để chứng minh.

Phật đáp có hai: Trước bác bỏ lại câu hỏi. Nghĩa là điều mà ông y cứ chẳng phải nghĩa ta nói.

Từ câu: “Pháp Noãn như thế v.v...” trở xuống là chánh đáp. Văn có hai: Trước nói về cõi riêng, sau nói về người riêng. Về cõi thì cõi Sắc có, cõi Dục không, về người thì đệ tử ta có, ngoại đạo không có.

Nói pháp Noãn chỉ có ở cõi Sắc, không có ở cõi Dục, lập ba nghĩa để giải thích: 1/ Dùng nhiều sắc định để phát khởi quán pháp Noãn, từ số nhiều mà gọi là cõi Sắc có; 2/ Y cứ theo định trung gian thì ba cõi đều phát Noãn pháp, nhưng cõi Sắc ở giữa nên nói cõi Sắc có; 3/ Y cứ theo Thắng xứ thì sắc dễ phát khởi pháp Noãn, còn cõi Dục thì rất khó. Từ câu: “Tuy cõi Sắc v.v...” trở xuống là nói về người riêng.

Trừ ngoại đạo, chỉ đệ tử Phật mới có. Nói ngoại đạo quán sáu hạnh tức duyên theo thắng, diệu, xuất ở các cõi trên, nhằm chán khổ, thô, trọng ở cõi dưới. Đệ tử Phật có đủ mười sáu hạnh, tức là mười sáu đế: Khổ pháp nhãn, khổ pháp trí, khổ tử (loại) nhãn, khổ tử (loại) trí v.v... Trong đây đã chưa dứt hoặc, nên chỉ là mười sáu đế quán.

Nay nói thêm rằng: Duyên theo đế quán này mà tu ưa thích nhằm chán, đệ tử Phật cũng tu ưa thích nhằm chán. Còn ngoại đạo tu tập thì chỉ y cứ vào các cõi.

Từ câu: “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là đoạn ba, định danh thể, trước hỏi sau đáp. Trong phần hỏi có hai: trước hỏi về danh, kế là hỏi về thể.

Đức Phật đáp, trước đáp câu hỏi sau, sau đáp câu hỏi trước. Trước trả lời về thể, văn có hai: Thứ nhất là chánh đáp.

Thứ hai là phân biệt, trong đó trước hỏi sau đáp.

Đầu tiên Phật dẫn Mã Sư không có tín tâm tức không có pháp Noãn.

Kế là Phật đáp: Ta cũng chẳng nói tín tâm là Noãn, tín là nhân của Noãn. Noãn là do trí quán bốn đế mà sinh. Nói mười sáu tức là mười sáu phân của bốn đế.

Từ câu: “Như lời thầy hỏi v.v...” trở xuống là đáp về danh. Văn có hai: Trước là chánh đáp, kế là nói thêm. Thứ nhất lại có hai: 1/ Nêu lại pháp Noãn để đáp lược, nói từ dụ mà có tên.

Từ câu: “Thí như v.v...” trở xuống là đáp rộng. Văn có dụ và hợp.

Kế đó lại hỏi đáp thêm: Thứ nhất là hỏi, có hai: Trước là lãnh chỉ, kế là từ câu: “Nếu là pháp Hữu vi v.v...” trở xuống là chánh thức hỏi.

Nói quả báo được năm ấm cõi Sắc, nếu theo các Sư Số Luận thì

Thật có dùng pháp Noãn để được quả báo cõi Sắc; nhưng chẳng thọ thân, vì đó là nghiệp vô lậu, tức diệt báo. Các Sư Thành Thật cho rằng pháp Noãn đốt cháy sinh tử, không còn chịu báo, chỉ do sắc định mà được quả báo, nên từ đó mà đặt tên.

Phật đáp có hai: Trước khen lời hỏi.

Từ câu: “Pháp Noãn như thế v.v...” “trở xuống là chánh đáp. Văn có ba là pháp, dụ và hợp.

Ý đồng với lời giải thích của Số luận. Vì lấy tâm tướng làm ái, có ái nên thọ sinh; vì nhàm chán nên có quán hạnh, đó là tướng vô lậu.

Từ câu: “Người được pháp Noãn v.v...” trở xuống là nói về số lượng người.

Nói bảy mươi ba, có ba cách giải thích.

1. Trang Nghiêm cho rằng: Như mười điều thiện của cõi Dục tương ứng với tâm gọi là định Điện quang; vì có lúc được, có lúc mất, nên gọi là Điện quang. Người này gọi là có đủ các tánh phiền não, nhưng không chia ra phẩm số. Nếu nói về phương pháp, thì định có chín phẩm, hoặc cũng có chín phẩm. Dùng chín định đoạt chín hoặc cộng với người đạt được Điện quang là thành mười người. Bốn thiên của cõi Sắc, ba không cõi Vô sắc, mỗi địa đều có chín phẩm định trừ chín phẩm hoặc, tổng cộng là sáu mươi ba và mười người vừa nêu thành bảy mươi ba.

2. Khai Thiện cho rằng: Không có định Điện quang, khác với phương pháp, cũng không có phương pháp khác với Điện quang, chỉ dùng định Điện quang đối trị với chín hoặc mà thành chín định. Một phẩm định thứ nhất là Phật pháp, chưa nhờ vào giả, còn đối kháng với hoặc chưa thể hàng phục hoặc, phẩm định thứ hai làm tương tục giả cho phẩm định thứ nhất, cùng nhau phát ra lực dụng mới hàng phục được phẩm hoặc thứ nhất; phân định thứ ba chế phục phẩm vô minh thứ hai, cho đến phẩm định thứ chín chế phục phẩm hoặc thứ tám, còn lại một phẩm hoặc sau cùng của cõi Dục thì dẫn đến phẩm định thứ nhất của Sơ thiên, pháp khởi mới cùng điều phục. Bốn thiên và ba không, mỗi pháp đều có chín hoặc chín định, cho đến phẩm định thứ chín Bất dụng xứ chế phục phẩm hoặc thứ tám, còn lại phẩm hoặc thứ chín, lại dùng định Phi tướng để chế phục phẩm hoặc thứ chín bất dụng xứ. Tám lần chín là bảy mươi hai, thêm định Phi tướng là thành bảy mươi ba. Dẫn Uất-đầu-lam-phát được định Phi tướng tức là nghĩa này.

Ở văn này nói cõi Dục, Sơ thiên cho đến Vô sở Hữu xứ; văn trước nói được định Phi tướng dứt trừ hoặc bất dụng xứ đều là những lời dẫn chứng khéo léo.

3. Các sư Số Luận giải thích: Cũng có hai thuyết khác nhau, sự thì chướng vị lai, tánh thì chướng căn bản. Một thì chia làm chín phẩm giải, mỗi phẩm giải đối trị một phẩm hoặc. Lại có mười điều thiện tương ưng tâm, tức có đủ tánh phiền não, cộng với chín phẩm giải trước thành mười. Người có đủ phiền não và với phẩm định thứ nhất cùng dứt một phẩm hoặc, sau đó dùng một phẩm định dứt một phẩm hoặc, bốn Thiền và ba Không mỗi pháp đều có chín định, chín hoặc thì cũng thành bảy mươi ba người. Hai là nói tánh chướng căn bản, tức chín phẩm định của vị lai thiên dứt chín phẩm hoặc cõi Dục, lấy một người có đủ tánh phiền não cõi Dục cộng với chín phẩm thành mười người; như thế tám định đều có vị lai. Định vị lai cõi Nhị thiên dứt chín phẩm hoặc của Sơ thiên, chín phẩm định vị lai của Tam thiên dứt chín phẩm hoặc của Nhị thiên, cho đến định vị lai cõi Phi tưởng dứt chín phẩm hoặc của Bất dụng xứ như thế cũng thành bảy mươi ba vị.

Hỏi: Trước nói rằng Noãn là pháp của cõi Sắc, vì sao ở đây nói chung cho ba cõi, lập bảy mươi ba người?

Đáp: Người mới học phải nương vào Tứ thiên; y cứ vào việc lợi ích về sau thì chung cho ba cõi, vả lại, xưa ở tại phàm phu ngoại đạo từng được bảy mươi ba định, nên nay nhập vào Phật pháp thì quán Noãn pháp.

Từ câu: “Những người như thế v.v...” trở xuống là đoạn năm, kết luận người được trụ chẳng gây ra năm tội nghịch, chẳng phạm bốn tội trọng, chẳng dứt mất gốc thiện.

Từ câu: “Người này v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư, nhìn phương hướng. Văn có hai: Trước nêu thể của người nhìn bốn phương, kế là hỏi đáp, nói về ý nghĩa của Sơ quả. Thứ nhất, văn có hai: Một, nêu lại văn trước; hai, chánh đáp.

Lập lại người thứ hai tạm nổi rồi chìm, nếu gặp bạn ác thì thường làm người như thế. Nếu gặp bạn thiện thì tiến lên mà làm người trụ vững, lại trở thành người quán sát bốn phương. Vì thế trước nói về người thứ hai.

Kế là, từ câu: “nói quán bốn phương v.v...” trở xuống là nêu thể của người quán bốn phương.

Hoặc cho rằng từ Khổ nhẫn cho đến Sơ quả mới là người được nói trong đoạn này, ý văn chẳng phải thế. Gồm có năm hạng người: Đánh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp, Khổ nhẫn đến mười lăm tâm, Sơ quả đến tâm thứ mười sáu, năm hạng người này đều quán bốn đế, đều gọi là người nhìn bốn phương. Nhưng pháp Noãn ở trước cũng nói là

quán bốn phương, vả lại từ nghĩa được trụ mà đặt tên là chìm, còn nghĩa nhìn bốn phương thì từ Đánh pháp trở lên mới được gọi. Nói năm vị này là gồm năm chương, theo văn kinh rất dễ thấy. Nhưng hai văn trước đều nói Tánh là năm ấm, nếu nói cho đúng thì Đánh pháp chỉ là hành ấm; mà nói năm là vì chưa khỏi bị các ấm khác ngăn che. Do đó mới nói chung năm ấm quán được bốn đế, Thế đệ nhất pháp. Nói năm căn, vì chúng rất sâu xa thù thắng, sinh ra chân giải, hiển bày nghĩa căn này. Bản riêng cũng ghi là ấm. Kế là được khổ pháp nhãn tức là chân giải. Nói duyên Nhất đế, tức là được Nhất đế bình đẳng chân không. Trong phẩm Sư Tử Hống thì dụ bốn phương với bốn quả, nay dụ cho bốn đế, mỗi đế đều có nơi y cứ, Bà-sa nói: Phương Đông dụ cho khổ, cho đến phương Tây là Đạo.

Từ câu: “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là phần hai, nói về nghĩa, tức nghĩa của Sơ quả. Có ba phen hỏi đáp: Phen thứ nhất: Là trước hỏi, gồm bốn câu: 1/ Hỏi về dứt hoặc; 2/ Hỏi về nhìn bốn phương; 3/ Hỏi về danh nghĩa; 4/ Hỏi về thí dụ.

Kiến tư hoặc gồm chín mươi tám sử, kiến đế có tám mươi tám thứ, tư duy có mười tám. Mười tám tư duy trước đã dứt sạch, chỉ còn mười sử, nên nói là nhẹ. Có kinh nói Tu-đà-hoàn mộng thấy rắn tám mươi tám đầu chết, tức nói lên ý này, nói như vùng nước rộng bốn mươi dặm thì như kinh Trì Dụ đã ghi.

Phật đáp bốn câu hỏi, trước là câu hỏi về dứt hoặc; vẫn có hai: Một là chánh đáp; hai là nói về việc làm. Thứ nhất lại chia làm hai là nêu chương và giải thích. Nêu chương có hai: Trước là nêu chương quan trọng.

Thứ hai, chương gồm thấu tất cả phiền não.

Từ câu: “Thí như v.v...” trở xuống là giải thích chương, thứ nhất giải thích chương gồm thấu, gồm có dụ và hợp.

Ba phiền não này gồm thấu tất cả, như vua ra khỏi cung, có rất nhiều người theo hầu, nhưng người đời chỉ nói vua đến vua đi; vì ba hoặc này là gốc gồm thấu các hoặc.

Từ câu: “Do nhân duyên gì v.v...” trở xuống là giải thích chương môn quan trọng. Có năm câu: 1/ Vì thường khởi; 2/ Nhỏ nhiệm khó biết; 3/ Khó dứt trừ; 4/ Nhân của hoặc; 5/ Kẻ thù. Câu thứ nhất là thường tồn tại Hữu ngã, tức ngã kiến; tin tà thần tức giới thủ; do dự chưa quyết định tức là tâm nghi. Kế là nói khó biết.

Ngã kiến dường như chánh kiến, giới thủ giống như chánh giới, tâm nghi giống như chánh giải.

Thứ ba, thứ tư rất dễ thấy.

Ngã kiến trái với chánh tuệ, giới thủ trái với chánh giới, tâm nghi trái với chánh định.

Từ câu: “Có các chúng sinh v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về việc làm.

Tức là vì dẫn dắt chúng sinh nên nói là ba. Nếu nói dứt vô lượng phiền não thì chúng sinh sẽ sinh tâm lui sụt, cho nên không nói nhiều.

Kế là đáp câu hỏi về quán bốn phương, vẫn có hai: trước là nêu câu hỏi.

Kế là chánh đáp.

Nói năm căn là năm căn như tín, tấn, v.v...; phiền não trong ngoài tức ba độc là bên trong, si và các kiến là bên ngoài.

Kế là trả lời về danh nghĩa. Vẫn có hai: Trước là chánh đáp, sau là hiển bày lại. Chánh đáp có hai: Một là nêu câu hỏi; hai là chánh đáp.

Phần chánh đáp có hai: trước giải thích danh từ tu vô lậu.

Từ câu: “Tu là v.v...” trở xuống là giải thích danh từ nghịch lưu.

Lưu có hai: Một là sinh tử lưu, người Tu-đà-hoàn ngược với lưu (dòng) này, còn chúng sinh thì thuận với lưu này. kinh Tiểu Bát-nhã ghi: Gọi là nhập lưu mà không có chỗ nhập.

Kế là nói nghĩa và hiển bày lại. Đầu tiên là hỏi về nghĩa chung.

Nếu nói là nghịch lưu thì ba người sau cũng là nghịch lưu, có được gọi là Tu-đà-hoàn chăng?

Phật đáp: có hai: Trước là chánh đáp, kế là nói căn cơ khác nhau. Chánh đáp có hai: Một là nói tên của giai vị dưới chung cho tên của giai vị trên; Hai, là nói tên giai vị trên chung cho tên của giai vị dưới. Thứ nhất lại có hai: Một là nói tên tu vô lậu là chung; Hai là nói tên nghịch lưu là chung.

Vì thế tên giai vị dưới chung cho giai vị trên; mới được thì gọi là Tu-đà-hoàn, được sau thì gọi là Tư-đà-hàm.

“Tu-đà-hoàn v.v...” trở xuống là ý thứ hai, tên của giai vị trên chung cho giai vị dưới. vẫn lại có hai: Một là nói danh từ Bồ-tát chung cho giai vị dưới.

Nói từ Phật chung cho các giai vị dưới.

Phật là giác, có khả năng thấy chánh lý, nên nay Tu-đà-hoàn giác biết các pháp, dứt hoặc thấy lý, há chẳng phải là Phật ư?

Từ câu: “Tu-đà-hoàn v.v...” trở xuống là nói về căn cơ khác nhau. Trước nêu hai căn.

Kế là giải thích riêng, trước là giải thích độn căn.

Cực độn căn thì bảy lần sinh tử, hoặc là ít hơn, cũng đều thuộc về độn căn; trong đó lại có sáu lần, hoặc là năm, bốn, ba, hai lần.

Kế đến là giải thích lợi căn, tức từ sinh đến quả thứ tư.

Kế là đáp bốn thí dụ, vẫn có hai: trước nêu lại câu hỏi.

Sau là giải thích. Vẫn có hai là nêu lên và giải thích.

Nói giữ chặt, như ma nói năm đế, Trưởng giả không tin, đó là giữ chặt.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ hai. Trước hỏi sau đáp. Hỏi có hai câu xác định, hai lần kết luận nêu câu hỏi. Thứ nhất là từ câu: “Nếu trước đặc đạo v.v...” trở xuống là kết hai câu hỏi. Thứ nhất là câu kết thứ nhất.

Nếu mới đặc đạo gọi là Tu-đà-hoàn, thì khi đã được chân giải khổ nhãn cũng gọi là Tu-đà-hoàn, chẳng gọi là Hượng.

Kế là kết câu hỏi thứ hai.

Nêu ngoại đạo xưa đã dứt phiền não, được Thượng định, hàng phục kết sử ở cõi dưới; sau đó, khi hồi tâm thì đồng với chỗ hàng phục mà dứt kết sử liền thành A-na-hàm. Đã là Sơ quả lẽ ra phải gọi là Tu-đà-hoàn.

Phật đáp: Trước trả lời câu thứ nhất.

Vốn lấy Sơ quả mà gọi Tu-đà-hoàn; khi đạt được Khổ nhãn thì chưa được Sơ quả, mà còn là Hượng, vì thế mới bác bỏ ngược lại.

Từ câu “Như lời ông hỏi v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi sau. Vẫn có hai: 1/ Nêu lại câu hỏi; 2/ Chánh đáp, rất dễ thấy.

Này Thiện nam! Vì Sơ quả nên mới gọi là Tu-đà-hoàn, vì người này có đủ tám trí và mười sáu hạnh.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phen thứ ba; trước hỏi, sau đáp.

Hỏi A-na-hàm cũng có đủ tám trí, mười sáu hạnh.

Phật đáp có hai: Trước nói về hạnh khác nhau, sau nói về cảnh khác nhau. Thứ nhất nói hạnh khác nhau.

Nói mười sáu hạnh, tức là quán mười sáu đế. Hữu lậu tức là tự giải có cộng và bất cộng; gồm ba cách giải thích:

1/ Ti-đàm cho rằng mười lăm tâm trước là cộng, tâm thứ mười sáu là bất cộng; nhất thời đồng quán, như khi quán khổ thì chỉ được quán khổ, không được quán không cho đến các đế khác, còn Đạo cũng như thế, nên nói là Cộng. Tâm thứ mười sáu, nhất thời quán mười sáu đế nên nói là bất cộng.

2/ Ái sư cho rằng mười sáu hạnh hữu lậu thì chung (cộng) với

phàm phu, còn mười sáu hạnh vô lậu chẳng chung (bất cộng) với phàm phu. Nghĩa này chẳng đúng, kinh đã nói: “Hữu lậu có cộng và bất cộng” sao lại dùng vô lậu để giải thích.

3/ Hà Tây cho rằng: Ba phương tiện trước trong bảy phương tiện cũng quán mười sáu đế thì gọi là Cộng; bốn phương tiện sau thì Bất cộng. Nếu Sơ quả theo thứ lớp tu hành thì lập đầy đủ bảy phương tiện quán, xả bỏ cộng được bất cộng. Nếu là người vượt hơn thì chỉ tu quán bốn phương tiện sau, chứng quả thứ ba, cho nên nói Bất cộng. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai loại là Hưởng và Đắc, các sư Thành Thật giải thích rằng: Trước Sơ quả thì chưa có quả, nên nói xả Hưởng được quả; trước Na-hàm có hai quả, người vượt hơn tuy không thủ chứng, nhưng cũng đều từ trong đó mà vượt lên cho nên mới nói là: “Chẳng phải như thế”.

Nếu theo nghĩa của Số Luận thì người vượt hơn đã đắc quả A-na-hàm, cũng chẳng từ hai quả trước mà vượt qua, thế thì từ Phương tiện đạo mà vào mười sáu tâm, tâm thứ mười lăm là hưởng A-na-hàm, tâm thứ mười sáu là chứng quả A-na-hàm, cũng là xả Hưởng mà đắc quả. Cách giải này chẳng hợp; Họ còn giải thích rằng: Nếu Sơ quả chắc chắn như thế thì A-na-hàm sẽ bất định. Nếu là người vượt hơn cũng như thế, thì người theo thứ lớp chẳng phải như thế. Đã bất định nên nói “chẳng phải như thế”.

Tám trí cũng có hai, tức bốn đế mỗi đế đều có Tỉ và Hiện nên thành tám, chẳng phải là tám của mười trí. Nếu theo các Sư Số Luận thì trong Hưởng chỉ có bảy trí, trong quả chỉ có một trí. Nghĩa này cũng chẳng hợp.

Từ câu: “Hàng Tu-đà-hoàn v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về cảnh khác nhau.

Nói Sơ quả duyên bốn Đế, A-na-hàm chỉ duyên một Đế, tức Sơ quả mới nhập đạo, khi tu Phương tiện đạo thực hành đủ mười sáu hành quán nên có đủ bốn Đế, A-na-hàm thì ở tại tư duy đạo tu Trạch pháp, giác chi tùy thời được Nhất đế làm duyên, cho nên chỉ nói là một đế.

Từ câu: “Nhìn khắp rồi đi v.v...” trở xuống là hợp với dụ thứ năm, tức quả Tư-đà-hàm. Nếu nhiếp hết các Hiền Thánh thì nhiếp cả Na-hàm hưởng, Tư-đà-hàm hưởng và quả ở tự địa; gồm thâu ba việc này vì sao lại gồm thâu A-hàm hưởng? Na-hàm vốn đã quán rồi thì trụ, khi còn ở Hưởng thì đi mà chẳng trụ, cho nên gồm thâu được. Hưởng vị đã nêu trên đều thuộc về quả dưới, nếu chứng quả A-na-hàm thì được gọi là: “Đi rồi lại trụ”. Ví như A-la-hán hưởng thì thuộc quả A-na-hàm. Theo

đó Tư-đà-hàm hương nên thuộc Sơ quả, nhưng chẳng phải vì Sơ quả chỉ nói về chánh vị, chẳng nói về hạnh tiến tu, vả lại hai đạo kiến tư khác nhau nên chẳng thuộc nhau. Nay nói về Tư-đà-hàm thì vị chỉ có một mà quả có hai Hương. Văn nói: “Vì dứt bốn hoặc, ba độc và mạn”, lẽ ra có nêu đủ mười sử, nhưng trong suy nghĩ đạo thì có năm kiến và nghi thuộc về Mạn, nên chẳng kể.

Văn có hai: trước là chánh hợp, kế là nêu dụ để hợp

Từ câu: “Đi rồi lại trụ v.v...” trở xuống là hợp với dụ thứ sáu, nói về A-na-hàm, có bốn chương: 1/ Nêu chương, 2/ Giải thích, 3/ Phân biệt Trung diệt, 4/ Giải thích lại trụ. Thứ nhất nêu chương gồm có bốn: Một là nêu hai người; hai là nêu năm người; ba là nêu sáu người; bốn là nêu bảy người. Thứ nhất nêu hai người, tức kinh sinh và chẳng kinh sinh. Kinh sinh là bậc thượng hạnh.

Hỏi: Nếu theo thuyết của Trang Nghiêm thì có mười một loại A-na-hàm, trong chín người lại nói Tín giải và Kiến đắc, thành mười một. Khai Thiện chỉ nói có chín, bác bỏ Trang Nghiêm rằng: “Đây là phân biệt lợi độn, nên chẳng có hai người sau”. Nay hỏi rằng văn này chỉ nói bảy loại trong chín loại, không nói thân chứng và chuyển thế?

Đáp: Có ba nghĩa: 1/ Chẳng nói thân chứng và chuyển thế là vì người chuyển thế chẳng xuất quán, còn thân chứng thì nhập định Diệt tận. Đại thừa chẳng nói về định này; do đó không kể. 2/ Đây chỉ là triển khai rộng và lược nêu mà thôi. 3/ Chuyển thế và phần chứng là do là do luận lục Túc lập ra, còn Đại thừa thì không có.

Từ câu: “Hành Bát-niết-bàn v.v...” trở xuống là thứ hai, giải thích chương trên tuy có bốn nhưng ở đây chỉ giải thích hai chương. Trước giải thích hai hạng, kế là giải thích năm hạng. Còn hai chương sáu và bảy không giải thích. Thứ nhất giải thích hai người, trong đó người thứ nhất là Hiện diệt thì đã giải thích ở chương trước. Vả lại, nếu thân hiện đời được A-na-hàm, tiến tu đắc quả A-la-hán, mà thân này chưa diệt, như thế một thân này được hai quả, là hàng rất lợi căn; vì dễ hiểu nên không giải thích, này chỉ giải thích hàng thượng hạng.

Văn có hai, trước nói số lần thọ sinh, sau nói về hạnh khác nhau. Thứ nhất, Hành bát tức là thượng lưu tham đắm cả Sắc và Vô sắc. Nói thọ hai thân tức từ Sơ thiên qua đời sinh lên Nhị thiên. Nói thọ bốn thân tức thọ sinh đủ ở bốn Thiên. Nói thọ sinh hai thân là hàng lợi căn, bốn thân là độn căn, lợi hay độn cũng không chánh thức liên quan đến số lần sinh, nay chỉ y cứ theo nhiều ít để phân biệt. Hàng Na-hàm lợi căn ở Sơ thiên qua đời, sinh về Nhị thiên thì chứng A-la-hán. Hàng độn căn

đầu tiên từ Sơ thiên qua đời sinh về Nhị thiên, nếu chưa được quả A-la-hán thì sinh lên Tam thiên, nếu chẳng được thì tiếp tục sinh lên Tứ thiên, bấy giờ mới đắc quả A-la-hán. Ở đây y cứ theo Tứ thiên mà có lý thuyết này.

Từ câu: “lại có hai loại v.v...” trở xuống là nói về hạnh khác nhau.

Đồng nói có hai loại, là gồm bốn câu y cứ vào hai hạnh tấn, định có hay không.

Từ câu: “Chúng sinh cõi Dục v.v...” trở xuống là giải thích chương năm hạnh người. Có năm đoạn: trước là giải thích hạnh Trung ấm diệt, vì sao? Vì đã lìa cõi Dục mà chưa đến cõi Sắc, ở trung gian được quả A-la-hán, lại có ba: Một là nói về nghiệp dụng; hai là giải thích danh từ Trung ấm; ba là nói nhập diệt. Thứ nhất nói về nghiệp dụng của Trung ấm.

Nói hai nghiệp, trong đó Tác nghiệp tức là Tấn nghiệp, Thọ sinh tức là định nghiệp sinh lên cõi trên.

Từ câu: “Xả thân ở cõi Dục v.v...” trở xuống là giải thích danh từ Trung ấm.

Ở khoảng giữa hai thân Dục và Sắc.

Nói thêm rằng: Ở ngay thân trung ấm của cõi Sắc mà nhập vào Niết-bàn, chứ chẳng thọ chánh thân, nên gọi là lợi căn.

Từ câu: “Hàng A-na-hàm v.v...” trở xuống là nói về tâm nhập diệt.

Bốn tâm này, có hai cách giải thích:

1/ Cho rằng hai tâm trước là hai tâm không và hữu của quả A-na-hàm, hai tâm sau là hai tâm không và hữu của quả A-la-hán. 1/ Chẳng phải Học, chẳng phải Vô học tức tâm A-na-hàm duyên với Thế đế, 2/ Hữu học tức tâm A-na-hàm duyên với chân đế; 3/ Vô Học tức tâm A-la-hán duyên với chân đế; 4/ Chẳng phải Học, chẳng phải vô học tức tâm A-la-hán duyên với Thế đế. Vì A-na-hàm diệt độ thì đắc A-la-hán, nên y cứ theo hai quả để giải thích.

2/ Cho rằng bốn câu này đều nói theo quả A-na-hàm: 1/ Chẳng phải Học chẳng phải Vô học là Tâm được dắt dẫn 2. Hữu học là tâm duyên chân; 3. Vô học là tâm tu hạnh xưa; 4. Là tâm thất niệm. Có Sư cho rằng cách giải thích này chẳng đúng, vì thấy kinh ghi: “A-na-hàm có bốn tâm” thì liền lầm cho là bốn tâm này đều thuộc A-na-hàm. Cách giải thích trước hợp lý hơn, hai tâm trước là tâm A-na-hàm, hai tâm sau thuộc A-la-hán.

Hỏi: Đã nói hai quả gồm bốn tâm, vì sao nói A-na-hàm có bốn tâm.

Đáp: Nay nói A-na-hàm có bốn tâm là y cứ theo gốc mà nói như thế, chứ ở đây giải thích người Trung diệt, diệt rồi là thành A-la-hán. Lại nói hai phải, hai chẳng phải cho nên có hai cách giải thích: Như thuyết thứ nhất thì nói hai tâm La-hán là Niết-bàn, hai tâm A-na-hàm chẳng phải Niết-bàn; vì A-la-hán được Vô dư là cực quả cho nên nói Niết-bàn; A-na-hàm chưa được Vô dư nên chẳng phải Niết-bàn. Như theo thuyết sau thì hai tâm Thế đế là Niết-bàn, hai tâm chân đế chẳng phải Niết-bàn, lại cần giải thích thêm.

Kế là giải thích thọ thân Niết-bàn. Văn có hai: Một là chánh giải thích, hai là nói về nghĩa.

Đây là chánh giải thích, nói người sinh diệt được sinh lên Sơ thiên diệt độ.

Kế là nói về nghĩa. Trước hỏi, sau đáp.

Kế là giải thích Hành diệt.

Thường tu hành tức là người độn căn, Tam-muội là tuệ tâm vắng lặng.

Kế là giải thích Bất hành diệt.

Nói đạt Đệ tứ thiên rồi lui sụt Sơ thiên, giải thích rằng: Thật sự không có bậc Thánh đã được định cõi trên mà còn lui sụt xuống cõi dưới, có lời này là vì từng được huyền ký tu định đặc biệt ở cõi trên rồi, mà lui sụt, chứ chẳng phải thân đã ở cõi trên rồi mà còn đoạ.

Nói nhờ đạo lưu mà được sinh lên cõi trên, tức đây chỉ là Phương tiện, chứ chẳng phải thật do phiền não thọ sinh.

Từ câu: “Trong Tứ thiên v.v...” trở xuống là giải thích, gồm cả hai cõi trên.

Từ đây chia dòng (lưu) mà sinh lên hai cõi. Người thích luận nghĩa thì sinh lên cõi A-ni-trá, người thích Tam-muội thì sinh lên cõi Bất Dụng.

Hỏi: Có người từ Sơ thiên sinh lên cõi A-ni-trá liền nhập diệt, lại có người sinh lên cõi Bất dụng được nhập diệt, có người chưa đến A-ni-trá thì nhập diệt, chưa đến cõi Bất dụng thì nhập diệt, ở đây thuộc người nào?

Đáp: Ở đây thuộc về hai hạnh kiến đắc và Tín giải, chẳng được gọi là Thượng Lưu, Có bốn nghĩa đối đãi: Một là y cứ theo thích định, thích tuệ; hai là tu năm bậc và chẳng tu năm bậc; ba là thích tịch tĩnh, thích luận nghĩa; bốn là huân tu thiên, chẳng huân tu thiên. Bốn nghĩa

này gồm hai ý, trong đó nghĩa thứ ba lại thành nghĩa thứ nhất ưa thích trí tuệ, ưa thích Tam-muội, nghĩa thứ tư lại thành nghĩa có năm bậc và không có năm bậc khác nhau nói ở trước. Ba nghĩa trước thì như văn. Trong nghĩa thứ tư, nói huân là có hai cách giải thích: 1. Các Sư Sớ luận cho rằng hai tâm vô lậu kèm một tâm hữu lậu mà huân tu; 2. Các sư Thành Thật cho rằng dùng tâm từ bi mà huân tu định này.

Sở dĩ không giải thích hai môn sau là vì sáu người thì năm người đã nói thêm Hiện diệt, Hiện diệt thì chương trước đã giải thích. Còn bảy người thì vốn có sáu người đã nói, thêm hàng Thượng hạnh, sinh lên cõi Vô sắc diệt độ, trên cũng gồm giải thích chung với người thứ năm rồi, nên ở đây chẳng cần nói nữa.

Từ câu: “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về nghĩa, phân biệt Trung diệt. Trước hỏi sau đáp. Hỏi có hai: Trước hỏi Trung diệt là hàng lợi căn, vì sao chẳng hiện diệt được A-la-hán.

Thứ hai hỏi vì sao cõi Dục có, mà cõi Sắc không có.

Phật đáp có hai, đây là đáp câu thứ nhất, vì có ba nghĩa nên chẳng hiện diệt: Một là yếu kém, hai là thiếu các duyên, ba là thích làm các việc thế tục lăng xăng; tất cả các nghĩa khác đều dễ biết. Thứ nhất như văn kinh ghi. Thứ hai là thiếu các duyên.

Việc này ghi trong Bà-sa, đó là Thiên Tu-bồ-đề, chẳng phải Giải không Tu-BỒ-đề.

Từ câu: “Như lời ông hỏi v.v...” trở xuống là đáp câu hai, văn có hai: Một nói về duyên khác nhau; hai nói về căn cơ khác nhau. Thứ nhất lại có hai: Một là nói cõi Dục phần nhiều do duyên; hai, là nói vì tánh mạnh mẽ.

Ở cõi Sắc không có các khổ bên ngoài, vì thế không được; cõi Dục thì có các phiền não bên ngoài, vì nhàm chán, nên tu tập Đạo phẩm, gọi tu là mạnh mẽ. Nếu y cứ theo các sư Sớ Luận thì cõi trên hoàn toàn không có người mới nhập đạo, các sư Thành Thật cũng có vị đồng như trước nói là không, có vị cho rằng cõi trên cũng có người mới nhập đạo. Kinh Phổ Diệu nói: “Tám muôn vị trời được mắt pháp thanh tịnh”, cho nên cõi trên cũng có người chứng Sơ quả; nhưng có văn này là vì hàng Tín hành, pháp hành đầu tiên trụ ở Phương tiện đạo, có thể xuất quán mà thượng sinh cho nên nói đắc quả, chẳng phải mới phát, mới từ phàm nhập vào Thánh.

Kế là nói căn tánh mạnh mẽ.

Kế là, từ câu: “Trung Niết-bàn v.v...” “trở xuống là nói căn tánh khác nhau.

Từ câu: “Thí như cá Tích v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư, giải thích nghĩa đi rồi lại dừng.

Đến bờ kia là người thứ bảy.

Lại có bốn người là A-la-hán, Bích-chi-Phật, Bồ-tát và Phật. Ba người trước là phần chứng, Phật là rốt ráo chứng ngộ.

Từ câu: “Như bảy người v.v...” trở xuống là phần thứ ba, kết luận các dụ. Văn có ba: Một là chánh kết luận; hai là nói về được mất; ba là nói về đồng khác để thành tựu ý trên. Thứ nhất lại có ba: Một là kết luận chung bảy người; hai là hỏi đáp nói nghĩa; ba là chỉ kết luận người đến bờ kia. Kết luận chung lại có hai: 1/ Kết luận bảy người, tức thấy Phật tánh; 2/ Kết luận bảy pháp, pháp tức là Phật tánh. Đầu tiên nói bảy người đều chẳng lìa nước Phật tánh. Gồm có dụ và hợp.

Trong Đại Bát-Niết-bàn mẫu nhiệm thì từ Nhất-xiển-đề cho đến chư Phật, tuy khác tên, nhưng chẳng lìa nước Phật tánh.

Từ câu: “Bảy loại chúng sinh v.v...” trở xuống là nói bảy pháp, tức là Phật tánh.

Một là thiện, hai là bất thiện, ba là phương tiện, bốn là Giải thoát, năm là thứ lớp, sáu là nhân, bảy là quả. Hai trước, hai sau rất dễ biết; ba pháp ở giữa là ba đạo ghi trong luận Bà-sa; phương tiện là Tự giải; Giải thoát là Giải thoát đạo; Thứ lớp là Vô ngại đạo. Nêu phẩm Niệm xứ của luận này ghi: “Như thứ lớp vô ngại sẽ sinh Giải thoát. Nhưng bảy pháp ở đây là Phật tánh thì gồm có hai ý: 1/ Thứ lớp hợp với bảy hạng người ở trước; 2/ Hợp chung. Theo thứ lớp hợp, tức khéo hợp với người thứ hai, phàm phu có một ít gốc thiện; bất thiện hợp với hạng người thường chìm thứ nhất, Nhất-xiển-đề không có gốc thiện, nên gọi là bất thiện. Phương tiện đạo hợp với người được trụ thứ ba, có đủ bốn niệm xứ, hai pháp phương tiện Noãn, Đảnh; Giải thoát đạo hợp với người thứ tư nhìn bốn phương, tức từ Đảnh pháp đến tâm thứ mười sáu là người Giải thoát chân thật; Thứ đệ đạo hợp với người nhìn bốn phương rồi đi, tức từ Đạo kiến đế dần dần nhập Tư duy đạo, chứng quả Tư-đà-hàm, nên gọi là thứ lớp; Nhân là hợp với người đi rồi lại trụ; chưa được quả A-la-hán, mới được A-na-hàm nên gọi là nhân, quả là hợp với người thứ bảy đến bờ kia; tức là A-la-hán, Trung thừa, Bồ-tát và Phật. Hợp chung bảy người, tức hai thứ thiện ác là người thường chìm và người nổi rồi chìm, nhân là từ người được trụ đến A-na-hàm; quả tức bốn người là A-la-hán v.v... Phương tiện đạo đều là nhân vị.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phần thứ hai, nói về nghĩa, gồm hai phen hỏi đáp. Thứ nhất về hỏi, có hai câu: Trước hỏi

Niết-bàn không có nhân thì được gọi là quả hay chăng?

Kế đó hỏi rằng: Vì sao Niết-bàn là quả Sa-môn?

Phật đáp có hai: trước đáp câu hỏi thứ nhất, sau đáp câu hỏi thứ hai. Thứ nhất có hai phần: Trước nói bảy quả, Niết-bàn là quả xa lìa.

Kế là nói hai nhân.

Niết-bàn có Liễu nhân; nói chung được theo nghĩa thuyết nói Bất sinh là sinh nhân, nhưng thật ra là liễu nhân. Kinh ghi: “Giải thoát môn có thể làm Bất sinh sinh nhân cho tất cả phiền não”, nghĩa là làm cho phiền não chẳng sinh, pháp thiện được sinh, tức là nghĩa thuyết; ba môn Giải thoát là liễu nhân mà làm sinh nhân; lại làm liễu nhân cho Niết-bàn, tức là nghĩa chánh ở đây.

Từ câu: “Như lời ông hỏi v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi thứ hai.

Có đủ ba nghĩa: một là dứt trừ sự nghèo thiếu, hai là thích vắng lặng, ba là bậc Thượng nhân.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ hai. Thứ nhất là hỏi, lại nói về ý trước.

Phật đáp rằng Phiền-na là Đạo, Sa-môn là nghèo thiếu, dứt nghèo thiếu, dứt các đường khác là tám Chánh đạo, tức cả hai đều chẳng phải.

Từ câu: “A-la-hán v.v...” trở xuống là đoạn ba, kết luận người đến bờ kia. Văn có hai: Trước kết luận về A-la-hán và Bích-chi-Phật, sau kết luận về Bồ-tát và Phật.

Hỏi: Bích-chi-Phật là quả thuộc về người đến bờ kia, còn giai vị Hương thuộc về người nào?

Đáp: Như trước đã nói A-na-hàm hương thuộc người thứ năm nhìn bốn phương rồi đi; Vốn lấy sự dừng trụ làm người thứ sáu, trong giai vị Hương thì còn đi, vậy đâu chẳng thuộc về người thứ năm? Cũng lấy bản quả làm người thứ bảy, Hương thì còn thuộc về nhân, nên đó là người thứ sáu, đi rồi lại dừng trụ.

Hỏi: Vốn lấy việc đắc quả làm người thứ bảy, Bồ-tát chưa đắc quả, vì sao gọi là người thứ bảy?

Đáp: Trong kinh giải thích rằng: Thế nào là Bồ-tát? Vì tu hành sáu ba-la-mật? Ba-la-mật dịch là “Đến bờ kia”. Lại mười địa là mười Ba-la-mật, vì sao chẳng phải là người vượt đến bờ kia? Nay cho rằng lời đáp này chưa giải thích được câu hỏi, còn phải có nghĩa khác.

Từ câu: Bảy hạng chúng sinh v.v...” trở xuống là nói về được mất. Văn có ba: Một là lại kết luận, Trung đạo bất định; hai là chính thức nói

về được mất; ba là tổng kết tông chỉ lớn. Văn thứ nhất có bốn: Một là nói về người bị chìm.

Nói bảy người đều chẳng tu thân giới tâm tuệ, nhưng có bốn người đạt quả, chính là hay tu tập, vì sao nói là không tu tập?

Đáp: Đầu tiên đều chẳng tu tập, sau đó Phật, Bồ-tát tu tập nên đạt đến bờ kia, Nhất-xiển-đề chẳng thể tu thì chẳng đến bờ kia. Phật tánh vừa có vừa không, đạt được Phật tánh vừa có vừa không này thì cả hai đều phá.

Nay cho rằng: Chẳng nên theo cách giải thích này, vì bảy người lúc đầu đều chưa tu, khi chưa tu thì chẳng phải là người thứ bảy. Văn kinh hiện nói: bảy người đều chẳng tu tập, vì sao lại nói đầu tiên chẳng phải là người thứ bảy?

Nay nói đây là dùng Biệt phá Thông, nên mới nói bảy người đều chẳng tu thân, giới, tâm tuệ. Trong đây dùng Niết-bàn của Thông giáo làm sông, rõ ràng là văn kinh ở tại ý này, chẳng nên nghi ngờ gì.

Từ câu: “Nếu người nói rằng, v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói Thiên chấp thì chẳng đúng.

“Bảy người này v.v...” trở xuống là đoạn bốn, nói Trung đạo bất định.

Nói một người đầy đủ bảy thì đó là nói theo đầu và cuối. Đầu tiên tuy làm ác, nhưng sau đó dần dần tu tập thành người thứ hai, thứ ba cho đến thứ bảy. Hoặc bảy người, mỗi người một hạng, là nói theo đương phần.

Từ câu: “Nếu có người v.v...” trở xuống là phần hai, nói về được mất. Đầu tiên chỉ nói về mất, sau nói cả về được mất. Thứ nhất lại có hai: 1/ Y cứ theo ba pháp để nói về được mất; 2/ Kết luận về mất. Thứ nhất lại có ba: 1/ Y cứ Nhất-xiển-đề; 2/ Theo Thánh đạo; 3/ Y cứ theo Phật tánh mà định thì đều chẳng được.

Hai, từ câu: “Vì thế v.v...” trở xuống là đoạn hai, kết luận về ngã-hĩa mất. Văn có bốn: Một là nêu lên hai người phỉ báng.

Ba, từ câu: “Nếu người có v.v...” trở xuống là, nói không có lòng tin.

Từ câu: “người chẳng tin v.v...” trở xuống là, kết luận nói đều là phỉ báng.

Bốn, từ câu: “Vì thế ta nói v.v...” trở xuống là, kết luận không có.

Từ câu: “Nếu có người nói v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói cả về được và mất. Văn có hai: Trước y cứ theo nghĩa Xiển-đề thành Phật hay

không thành Phật; sau y cứ theo nghĩa có Phật tánh hay không có Phật tánh. Mỗi trường hợp đều có ba câu, ba câu thứ nhất.

Hai hạng người trước phỉ báng, một người sau chẳng phỉ báng. Vì sao? Vì mỗi người chấp một bên, hoặc có hoặc không, nên trở thành phỉ báng. Vì giải thích theo Trung đạo dung thông nên một người không phải là phỉ báng. Có người cho rằng người Xiển-đề không xả tâm ác mà thành Phật, tức là phỉ báng. Lại nói Xiển-đề ngay thân này chẳng thể thành Phật, đến thân khác mới thành Phật, đây cũng là nghĩa phỉ báng. Có người nói Nhất-xiển-đề bỏ ác tu thiện, tâm thiện nối nhau, chẳng dứt, tức chẳng phải nghĩa phỉ báng. Nghĩa Phật tánh cũng thế, có người nói rằng chúng sinh có Phật tánh trong thân, thì có tướng tốt, vẻ đẹp, thường lạc đầy đủ, dứt hoặc rồi thì được Bồ-đề, thì cũng là nghĩa phỉ báng. Nếu nói chúng sinh hoàn toàn không có Phật tánh thì cũng là nghĩa phỉ báng. Thời nay có người nói Phật tánh ở đương quả, thì cũng rơi vào trường hợp này.

Ba câu sau thì hai câu đầu là nghĩa phỉ báng, một câu sau chẳng phải phỉ báng.

Từ câu: “Nói về Phật tánh v.v...” trở xuống là phần thứ ba, tổng kết Tông chỉ lớn. Văn có bốn: Một là nói về lý Phật tánh.

Từ câu “Chưa được Bồ-đề v.v...” trở xuống là y cứ theo pháp, trong nhân nói quả.

Thứ ba là dẫn chứng nói Như Lai hoặc trong nhân lập quả, hoặc trong quả nói nhân.

Từ câu “Đó gọi là v.v...” trở xuống là kết luận Tùy tự ý ngữ.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba, nói về đồng khác. Tăng Triệu nói: “Vì người thích đồng thì nói đồng, tuy đồng mà khác; vì người thích khác thì nói khác, tuy khác mà đồng”. Trước nói Phật tánh có đồng với hư không và chẳng đồng với hư không, đó là chánh điển của Đấng Pháp Vương có đồng và chẳng đồng, để phá ngoại đạo. Hư không là hư không phá thể tánh nhìn thấy của mắt.

Đầu tiên nói về nghĩa đồng: trước hỏi sau đáp.

Trong lời đáp có ba: Một là nói Phật tánh đồng với hư không, chẳng thuộc ba đời; hai là nói đồng hư không chẳng phải trong chẳng phải ngoài; ba là nói đồng hư không chẳng ngăn ngại.

Đầu tiên là nói rộng về ba đời đối đãi là không, nên chẳng có ba đời. Ba đời đã không thì hư không chẳng thuộc ba đời. Kinh nói: “Vì hư không là không cho nên chẳng thuộc ba đời, tướng nó như thế nào? Không chỉ là không, không tức là thường; Phật tánh là có mà lại thường,

nên nói chẳng thuộc ba đời. Hư không là không mà cũng là Thường, nên cũng chẳng thuộc ba đời.

Hỏi: Như thế, lẽ ra Phật tánh là có, chẳng thuộc ba đời, vì sao nói Thường thì chẳng thuộc ba đời?

Đáp: Phật tánh chẳng phải hoàn toàn có, nên chẳng nói là có.

Từ câu: “Vả lại, hư không là không v.v...” trở xuống là phần hai, nói Phật tánh đồng với hư không, chẳng phải trong chẳng phải ngoài.

“Như thế gian v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói Phật tánh đồng với hư không, chẳng ngăn ngại, lại chẳng thể phân chia nhỏ.

